

Số: *AT/BC-UBND*

TP. Cao Bằng, ngày *31* tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO
Thuyết minh tình hình thực hiện Dự toán ngân sách
địa phương năm 2019

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính qui định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 2099/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 59/NQ-HĐND, ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Cao Bằng về việc Quyết định dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương; phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2019;

Ủy ban nhân dân Thành phố Cao Bằng báo cáo kết quả tình hình thực hiện dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2019 như sau:

I. Tình hình thực hiện dự toán ngân sách Nhà nước năm 2019

1. Dự toán được UBND tỉnh giao:

1.1. Dự toán giao thu:

- Tổng dự toán thu ngân sách Nhà nước năm 2019, UBND tỉnh giao là: 329.040 tr.đồng, tăng 14,97% so với kế hoạch năm 2018.

Trong đó:

+ Thu nội địa (*không bao gồm tiền sử dụng đất*): 201.040 triệu đồng

+ Thu từ tiền sử dụng đất: 128 tỷ đồng (*chiếm 38,9% tổng dự toán giao thu ngân sách năm 2019*)

- Thu cân đối ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2019 tỉnh giao là: 179.720 triệu đồng, tăng 9,7% so với kế hoạch năm 2018 và tăng 7,52% so với thực hiện năm 2018. (*năm 2018 số thu cân đối giao là 163.830 triệu đồng, thu được 167.130 triệu đồng*).

1.2. Dự toán giao chi ngân sách:

- Chỉ tiêu giao chi ngân sách địa phương: 664.622 triệu đồng:

Trong đó:

+ Chi đầu tư phát triển: 153.879 triệu đồng.

+ Chi thường xuyên: 294.227 triệu đồng.

+ Dự phòng ngân sách: 8.938 triệu đồng.

+ Chi hỗ trợ một số mục tiêu: 19.916 triệu đồng.

+ Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu để thực hiện các chương trình, dự án nhiệm vụ khác: 187.662 triệu đồng.

2. Kết quả thực hiện dự toán NSNN năm 2019 như sau:

2.1. Thu ngân sách đến ngày 31/12/2019:

+ Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn thu được: 364.754 triệu đồng/329.040 triệu đồng. Đạt 111% KH giao thu ngân sách năm 2019, (giảm 39,6% so với cùng kỳ năm 2018).

+ Phần thu cân đối ngân sách thành phố được hưởng theo tỷ lệ phân chia giữa các cấp ngân sách là: 184.035 triệu đồng/179.720 triệu đồng, đạt 102% kế hoạch giao, (tăng 10,2% so với cùng kỳ năm 2018). So với tiến độ cơ bản đáp ứng nhiệm vụ chi thường xuyên của thành phố.

2.2. Về chi ngân sách nhà nước:

- Tổng chi ngân sách địa phương: 686.562 triệu đồng

+ Chi đầu tư: 151.059 triệu đồng

+ Chi các nhiệm vụ chi và chương trình mục tiêu: 193.259 triệu đồng

+ Chi thường xuyên: 342.244 triệu đồng,

(có biểu chi tiết số 93, 94, 95 kèm theo).

II. Đánh giá chung về tình hình thực hiện thu, chi NSNN năm 2019.

Trên cơ sở dự toán giao thu ngân sách nhà nước Hội đồng nhân dân thành phố Cao Bằng giao, căn cứ vào tình hình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn Thành phố, tăng cường sự phối hợp giữa các phòng ban, cơ quan thuế, các ngành liên quan trong công tác quản lý thu ngân sách nhà nước. Tăng cường công tác tuyên truyền các chính sách, pháp luật về thuế, theo dõi kiểm tra, kiểm soát việc kê khai thuế của các tổ chức, cá nhân theo qui định của pháp luật về thuế, phát hiện kịp thời các trường hợp kê khai không đúng, không đủ, gian lận thuế. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế; đẩy mạnh công tác quản lý thu nợ và cưỡng chế nợ thuế, đảm bảo thu đúng, thu đủ kịp thời các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác vào ngân sách nhà nước.

Các nhiệm vụ chi ngân sách trong năm được đảm bảo theo đúng dự toán và tiến độ triển khai thực hiện của các đơn vị sử dụng ngân sách đáp ứng kịp thời các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh, đảm bảo an sinh xã hội. Góp phần đảm bảo thực hiện tăng trưởng kinh tế trên địa bàn thành phố Cao Bằng.

Công tác quản lý ngân sách được tăng cường, đảm bảo tiết kiệm có hiệu quả, đáp ứng nhiệm vụ chi ngân sách theo dự toán và tiến độ triển khai nhiệm vụ của đơn vị sử dụng ngân sách đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, hoạt động của bộ máy nhà nước và xử lý kịp thời các nhu cầu bảo đảm an sinh xã hội.

Các khoản chi ngân sách nhà nước được quản lý chặt chẽ trong phạm vi dự toán đã được giao, theo đúng chế độ qui định, đảm bảo tiết kiệm có hiệu quả, chi cho công tác an sinh xã hội được quan tâm và kịp thời thực hiện đảm bảo đúng chế độ và đúng đối tượng theo qui định.

Trên đây là Thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước quý IV năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Cao Bằng.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- HĐND TP;
- UBND TP;
- Phòng TC-KH TP;
- Công thông tin điện tử TP;
- Lưu: VT; TCKH.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

ChamT
Nông Thị Châm

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ NĂM 2019

ĐV tính: Triệu đồng

| Số TT | Nội dung | Dự toán năm 2019 | Thực hiện quý IV năm 2019 | So sánh ước thực hiện so với (%) | |
|-----------|---|------------------|---------------------------|----------------------------------|------------------|
| | | | | Dự toán năm | Cùng kỳ năm 2018 |
| A | B | 1 | 2 | 3=2/1 | 4 |
| A | TỔNG THU NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN | 329.040 | 471.604 | 110,85 | 60% |
| I | Thu cân đối NSNN | 329.040 | 364.754 | 110,85 | 60% |
| 1 | Thu Nội địa | 329.040 | 364.754 | 110,85 | 60% |
| 2 | Thu viện chợ | | | | |
| II | Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang | | 106.850 | | |
| B | TỔNG CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ | 664.622 | 686.562 | 103% | |
| I | Chi cân đối ngân sách | 457.044 | 493.303 | 108% | |
| 1 | Chi đầu tư phát triển | 153.879 | 151.059 | 98% | 164% |
| 2 | Chi thường xuyên | 294.227 | 342.244 | 116% | 113% |
| 3 | Dự phòng ngân sách | 8.938 | - | 0% | |
| II | Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh | 207.578 | 193.259 | 93% | |
| 1 | Chi hỗ trợ một số mục tiêu | 19.916 | 19.916 | 100% | |
| 2 | Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu để thực hiện các chương trình, dự án nhiệm vụ khác | 187.662 | 173.343 | 92% | |
| 3 | Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới | | | | |

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ NĂM 2019

ĐV tính: Triệu đồng

| Số TT | Nội dung | Dự toán năm 2019 | Thực hiện quý IV năm 2019 | So sánh ước thực hiện so với (%) | |
|-----------|---|------------------|---------------------------|----------------------------------|------------------|
| | | | | Dự toán năm | Cùng kỳ năm 2018 |
| <i>A</i> | <i>B</i> | <i>1</i> | <i>2</i> | <i>3=2/1</i> | <i>4</i> |
| A | TỔNG THU NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN | 329.040 | 471.604 | 110,85 | 60% |
| I | Thu cân đối NSNN | 329.040 | 364.754 | 110,85 | 60% |
| 1 | Thu Nội địa | 329.040 | 364.754 | 110,85 | 60% |
| 2 | Thu viện chợ | | | | |
| II | Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang | | 106.850 | | |
| B | TỔNG CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ | 664.622 | 686.562 | 103% | |
| I | Chi cân đối ngân sách | 457.044 | 493.303 | 108% | |
| 1 | Chi đầu tư phát triển | 153.879 | 151.059 | 98% | 164% |
| 2 | Chi thường xuyên | 294.227 | 342.244 | 116% | 113% |
| 3 | Dự phòng ngân sách | 8.938 | - | 0% | |
| II | Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh | 207.578 | 193.259 | 93% | |
| 1 | Chi hỗ trợ một số mục tiêu | 19.916 | 19.916 | 100% | |
| 2 | Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu để thực hiện các chương trình, dự án nhiệm vụ khác | 187.662 | 173.343 | 92% | |
| 3 | Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới | | | | |

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019

ĐV tính: Triệu đồng

| ST T | NỘI DUNG | Dự toán năm 2019 | Thực hiện quý IV năm 2019 | So sánh ước thực hiện với (%) | |
|---------|--|---------------------|---------------------------------|----------------------------------|-----------------|
| | | | | Dự toán năm | Cùng kỳ 2018 |
| A | B | 1 | 2 | 3=2/1 | 4 |
| A | TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN | 329.040 | 364.754 | 111% | 60% |
| I | Thu nội địa | 329.040 | 364.754 | 111% | 60% |
| 1 | Thu từ DNNN do TW quản lý | 2.500 | 3.675 | 147% | 185% |
| 2 | Thu từ DNNN do địa phương quản lý | 8.500 | 9.403 | 111% | 126% |
| 3 | Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh | 99.670 | 100.278 | 101% | 109% |
| 4 | Thuế thu nhập cá nhân | 18.000 | 18.091 | 101% | 105% |
| 5 | Thuế bảo vệ môi trường | | | | |
| 6 | Lệ phí trước bạ | 47.500 | 50.647 | 107% | 114% |
| 7 | Thu phí, lệ phí | 13.440 | 12.250 | 91% | 107% |
| 8 | Các khoản thu về nhà, đất | 129.930 | 157.788 | 121% | 38% |
| - | <i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i> | | | | |
| - | <i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i> | 870 | 1.222 | 140% | 105% |
| - | <i>Thu tiền sử dụng đất</i> | 128.000 | 153.580 | 120% | 37% |
| - | <i>Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i> | 1.060 | 2.986 | 282% | 243% |
| - | <i>Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước</i> | | | | |
| 9 | Thu đóng góp từ hoạt động khoáng sản | 3.000 | 1.237 | 41% | 93% |
| 10 | Thu khác ngân sách | 6.500 | 11.385 | 175% | 81% |
| 11 | Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác | | | | |
| II | Thu viện trợ | | | | |
| B | THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP | 179.720 | 184.035 | 102,4% | 110,2% |
| 1 | Từ các khoản thu phân chia | | | | |
| 2 | Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100% | 179.720 | 184.035 | 102,4% | 110,2% |